TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TÍNH VÀ THANH TOÁN LƯƠNG KHỐI VĂN PHÒNG

Đơn vị: 95-BQL DA Khe Chàm II/IV - Đội nổ mìn

Tháng 10 năm 2019

Stt	SDB	Tên	Chức danh	Mức LCB	Lương SP			Lương phép		Lương 100%		Lương khác		Tổng thu nhập	Các khoản phải trừ								Tổng giảm trừ	Còn lĩnh	Ký nhận
					Công	XL	Lương	Công	Lương	Công	Lương	Công	Lương		BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	Quỹ HĐXH	Đoàn phí	Phí ở chung cư	Thuế TNCN			
1	**32**	**Tổ thợ lò**			**279**		**155.620.000**							**155.620.000**	**4.842.800**	**908.400**	**605.700**	**1.556.200**	**495.000**	**30.000**	**443.000**	**1.700.000**	**10.581.100**	**145.038.900**	
1	HL-03328	Nguyễn Văn Phúc	Lò trưởng	6.367.000	31	A	19.220.000							19.220.000	509.400	95.600	63.700	192.200	55.000				915.900	18.304.100	
2	HL-00534	Đỗ Văn Thuyết	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	31	A	17.050.000							17.050.000	616.400	115.600	77.100	170.500	55.000				1.034.600	16.015.400	
3	HL-01052	Hoàng Văn Thiện	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	31	A	17.050.000							17.050.000	616.400	115.600	77.100	170.500	55.000			800.000	1.834.600	15.215.400	
4	HL-01432	Nguyễn Mạnh Cường	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	31	A	17.050.000							17.050.000	509.400	95.600	63.700	170.500	55.000			500.000	1.394.200	15.655.800	
5	HL-02896	Vũ Khắc Hùng	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	31	A	17.050.000							17.050.000	616.400	115.600	77.100	170.500	55.000		443.000		1.477.600	15.572.400	
6	HL-00447	Nguyễn Văn Long	CN nổ mìn hầm lò	7.704.000	31	A	17.050.000							17.050.000	616.400	115.600	77.100	170.500	55.000				1.034.600	16.015.400	
7	HL-03532	Chìu A Nhì	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	31	A	17.050.000							17.050.000	424.500	79.600	53.100	170.500	55.000			400.000	1.182.700	15.867.300	
8	HL-04790	Nguyễn Tiến Dũng	CN nổ mìn hầm lò	6.367.000	31	A	17.050.000							17.050.000	509.400	95.600	63.700	170.500	55.000				894.200	16.155.800	
9	HL-05044	Lương Văn Tuấn	CN nổ mìn hầm lò	5.305.000	31	A	17.050.000							17.050.000	424.500	79.600	53.100	170.500	55.000	30.000			812.700	16.237.300	
Tổng cộng					**279**		**155.620.000**							**155.620.000**	**4.842.800**	**908.400**	**605.700**	**1.556.200**	**495.000**	**30.000**	**443.000**	**1.700.000**	**10.581.100**	**145.038.900**	

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 11 năm 2019

LẬP BIỂU	PHÒNG TCLĐ	KẾ TOÁN TRƯỞNG	P.GIÁM ĐỐC
Mã Thành Trung	Nguyễn Văn Thỏa	Đặng Thanh Lam	Phạm Văn Hùng